

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
QUẬN THỦ ĐỨC  
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 580/2019/HNGĐ-ST

Ngày: 30/5/2019

V/v Ly hôn.

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN THỦ ĐỨC - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:* Ông Cao Văn Thiên.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Bà Nguyễn Thị Quý;
2. Ông Chu Mạnh Tường.

**- Thư ký phiên tòa:** Ông Nguyễn Trường Giang – Thư ký Tòa án nhân dân quận Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Thủ Đức tham gia phiên tòa:** Bà Nguyễn Bá Thu Thu – Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 5 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự sơ thẩm thụ lý số: 1354/2018/TLST- HNGĐ ngày 13/12/2018 về việc “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 96/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 18 tháng 4 năm 2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 74/2019/QĐST-HNGĐ ngày 10 tháng 5 năm 2019 giữa các đương sự:

*1. Nguyên đơn:* Bà Nguyễn Thảo B, sinh năm: 1980

Địa chỉ: 13/12 Đường B, khu phố G, phường R, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh.

*2. Bị đơn:* Ông Trần Nguyễn Nhất T, sinh năm: 1977

Địa chỉ: 13/12 Đường B, khu phố F, phường H, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

(1) Nguyên đơn Bà Nguyễn Thảo B trình bày: Bà B và Ông Trần Nguyễn Nhất T tự nguyện tiến tới hôn nhân vào năm 2001, do hai bên tự tìm hiểu, có tổ chức đám cưới và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường Linh Chiểu, quận Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh. Cuộc sống hôn nhân giữa bà B và ông T không hạnh phúc, thường xuyên

xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn chính là do hai bên không tin tưởng nhau, thường xuyên nghi ngờ, ghen tuông. Vợ chồng thường xuyên cãi nhau vì có nhiều quan điểm bất đồng trong cách suy nghĩ, cũng như trong lối sống, đỉnh điểm vào ngày 20/5/2018, sau khi cãi nhau ông T đã đuổi bà B ra khỏi nhà và hai bên chính thức sống ly thân từ đó cho đến nay. Nhận thấy tình cảm không còn, đời sống chung mâu thuẫn trầm trọng không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên bà B khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết được ly hôn với Ông Trần Nguyễn Nhất T để ổn định cuộc sống. Giữa bà B và Ông Trần Nguyễn Nhất T có hai người con chung tên Trần Nguyễn Nhất H, sinh ngày 30/5/2002 và Trần Nguyễn Anh T, sinh ngày 13/12/2003. Bà Nguyễn Thảo B yêu cầu sau khi ly hôn được quyền nuôi dưỡng con chung tên Trần Nguyễn Anh T, đồng ý giao con chung tên Trần Nguyễn Nhất H cho ông T trực tiếp nuôi dưỡng, không ai phải cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung và nghĩa vụ chung bà B xác định tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

(2) Trong quá trình tố tụng Ông Trần Nguyễn Nhất T thừa nhận và đồng ý một số nội dung mà bà B trình bày về thời gian đăng ký kết hôn, con chung, tài sản chung và nghĩa vụ chung. Ông T xác định đời sống hôn nhân giữa hai bên có nhiều mâu thuẫn như bà B trình bày, nhận thấy tình cảm không còn, mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên ông T đồng ý ly hôn với Bà Nguyễn Thảo B để ổn định cuộc sống. Tuy nhiên, về con chung ông T yêu cầu được nuôi dưỡng cả hai con chung và không yêu cầu bà B cấp dưỡng nuôi con. Vì ông T cho rằng hiện tại đang làm nghề lái xe và đang sống chung với cha, mẹ có nhà ở, có công việc ổn định sẽ đảm bảo điều kiện để nuôi cả hai con mà không cần bà B cấp dưỡng nuôi con.

(3) Tại phiên tòa sơ thẩm: Nguyên đơn Bà Nguyễn Thảo B trình bày hiện tại đang làm việc tại Bệnh viện Đa Khoa Khu Vực Thủ Đức, có thu nhập ổn định, có chỗ ở hợp pháp (ở nhờ nhà anh ruột), cha mẹ và anh em ruột ở gần có nhà cửa đầy đủ và được sự hỗ trợ từ phía gia đình nên đủ điều kiện để nuôi con. Do vậy, bà B vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện như trên. Bị đơn Ông Trần Nguyễn Nhất T trình bày chỉ đồng ý thuận tình ly hôn khi bà B đồng ý giao cả hai con chung cho ông T trực tiếp nuôi dưỡng, nên giữ nguyên ý kiến như trên và xác định tài sản chung, nghĩa vụ chung tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

(4) Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu ý kiến: Tòa án đã tiến hành tố tụng từ khi thụ lý cho đến mở phiên tòa đúng theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Tại phiên tòa sơ thẩm, Thẩm phán, Hội đồng xét xử và đương sự chấp hành đúng quy định của pháp luật. Về nội dung, yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ và hợp pháp, đề nghị chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi xem xét các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Bà Nguyễn Thảo B khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với Ông Trần Nguyễn Nhất T là tranh chấp hôn nhân gia đình thuộc trường hợp được quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Tại thời điểm Tòa án đang thụ lý giải quyết vụ kiện, bị đơn Ông Trần Nguyễn Nhất T đang cư trú trên địa bàn quận Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh, theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh.

[2] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Căn cứ Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 76, quyền số 01/2001 do Ủy ban nhân dân phường Linh Chiểu, quận Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 05/11/2001, có cơ sở xác định giữa Bà Nguyễn Thảo B và Ông Trần Nguyễn Nhất T có quan hệ hôn nhân hợp pháp. Căn cứ vào sự thừa nhận và không phản đối của các bên đương sự. Có cơ sở xác định cuộc sống hôn nhân giữa bà B và ông T có mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn phát sinh là do vợ chồng không tin tưởng, nghi ngờ, ghen tuông và thường xuyên cãi nhau. Hai bên xác định tình cảm không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên bà B đã chủ động sống ly thân từ tháng 5 năm 2018 cho đến nay. Tình trạng hôn nhân giữa Bà Nguyễn Thảo B và Ông Trần Nguyễn Nhất T thuộc trường hợp Tòa án giải quyết cho ly hôn theo quy định tại Điều 56 Luật hôn nhân và Gia đình năm 2014. Do vậy yêu cầu được ly hôn của bà B có cơ sở chấp nhận.

[2.2] Về con chung: Căn cứ vào bản sao khai sinh số 96, quyền số I/2002 đăng ký ngày 05/6/2002 và Giấy khai sinh số 283 quyền số II/2003 đăng ký ngày 17/12/2003 tại Ủy ban nhân dân phường Tam Phú, quận Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh, cùng với sự thừa nhận của các bên đương sự. Có cơ sở xác định Bà Nguyễn Thảo B và Ông Trần Nguyễn Nhất T có hai người con chung tên Trần Nguyễn Nhất H, sinh ngày 30/5/2002 và tên Trần Nguyễn Anh T, sinh ngày 13/12/2003. Nhận thấy, hai bên đang tranh chấp nuôi con, không thỏa thuận được việc ai là người trực tiếp nuôi dưỡng con chung là thuộc trường hợp Tòa án quyết định căn cứ vào quyền lợi về mọi mặt của trẻ và nguyện vọng của con trên bảy tuổi. Xét thấy, hai bên đã đảm bảo được điều kiện nuôi con, nên Hội đồng xét xử phải xem xét đến nguyện vọng của của các con. Theo bản tự khai 28/02/2019, trẻ Trần Nguyễn Nhất Huy có nguyện vọng được sống chung với ba, Trần Nguyễn Anh Thư có nguyện vọng được sống chung với mẹ. Do vậy, căn cứ khoản 2 Điều 81 Luật hôn nhân và Gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử giao con chung Trần

Nguyễn Nhất H cho Ông Trần Nguyễn Nhất T trực tiếp nuôi dưỡng và giao con chung tên Trần Nguyễn Anh T cho Bà Nguyễn Thảo B trực tiếp nuôi dưỡng.

[2.3] *Về cấp dưỡng nuôi con*: Hội đồng xét xử ghi nhận sự tự nguyện của Bà Nguyễn Thảo B và Ông Trần Nguyễn Nhất T về việc không ai yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

[2.4] *Về tài sản chung và nghĩa vụ chung*: Bà Nguyễn Thảo B và Ông Trần Nguyễn Nhất T cùng xác định tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] *Về án phí*: Án phí dân sự sơ thẩm nguyên đơn Nguyễn Thảo Bình phải nộp theo quy định của pháp luật.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào Điều 5, khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 186, Điều 266, Điều 273, Điều 280, Điều 482 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào Điều 51, Điều 54, Điều 55, Điều 56, Điều 57, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ Luật phí và lệ phí số 97/2015/QH13 ngày 25/11/2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ Luật Thi hành án dân sự năm 2008, đã được sửa đổi, bổ sung năm 2014;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

- *Về quan hệ hôn nhân*: Bà Nguyễn Thảo B được ly hôn với Ông Trần Nguyễn Nhất T.

- *Về con chung*: Giao con chung tên Trần Nguyễn Nhất H, sinh ngày 30/5/2002 cho Ông Trần Nguyễn Nhất T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục. Giao con chung tên Trần Nguyễn Anh T, sinh ngày 13/12/2003 cho Bà Nguyễn Thảo B trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục.

Không bên nào được ngăn cản quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung. Vì lợi ích mọi mặt của con chưa thành niên, khi cần thiết một hoặc cả hai bên có quyền yêu cầu Tòa án để thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

- *Về cấp dưỡng nuôi con*: Ghi nhận sự tự nguyện của Bà Nguyễn Thảo B và Ông Trần Nguyễn Nhất T về việc không ai yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

- *Về tài sản chung và nghĩa vụ chung*: Bà Nguyễn Thảo B và Ông Trần Nguyễn Nhất T cùng xác định tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm: 300.000 (ba trăm nghìn) đồng buộc Bà Nguyễn Thảo B phải nộp theo quy định, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí mà bà B đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2018/0023128 ngày 13/12/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh. Bà Nguyễn Thảo Bình đã nộp đủ án phí.

3. Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

4. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự, đã được sửa đổi bổ sung năm 2014.

***Nơi nhận:***

- Tòa án nhân dân TP.HCM;
- Viện kiểm sát nhân dân TP.HCM;
- Viện kiểm sát nhân dân quận Thủ Đức;
- Thi hành án dân sự quận Thủ Đức;
- Các đương sự;
- Cơ quan đăng ký kết hôn;
- Lưu HS,VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

*(đã ký và đóng dấu)*

**Cao Văn Thiên**